TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 963/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 25/7/2024.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên.

2. Ông Phan Minh Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 461/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 206/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đ.T.N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Đường PVC, Phường A, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà N có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông N.P.C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Đường PVC, Phường A, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông C vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà và ông C sau một thời gian tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2002 có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện. Thời gian bắt đầu chung sống hạnh phúc nhưng mâu thuẫn phát sinh từ năm 2013 với lý do nhiều lần xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly thân, ông bà đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn nhưng mâu thuẫn không được giải quyết, nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có hai con chung tên N.N.T, sinh ngày 14/4/2004 (đã thành niên) và N.N.N, sinh ngày 07/12/2009. Bà N yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ N và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà khai không có.

Về nợ chung: Bà khai không có.

Ông C đã được tống đạt hợp lệ vẫn không đến Tòa án, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải được. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông C. Về con chung: Giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông C là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Theo kết quả xác minh của Công an Phường A, quận Gò Vấp có nội dung: Ông N.P.C có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số: Đường PVC, Phường A, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện nay không thực tế cư trú tại địa phương do bán nhà, hiện đang cư trụ tại địa chỉ số đường TNV, Phường B, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh Công an Phường B, quận Gò Vấp có nội dung: Trên địa bàn Phường B, quận Gò Vấp không có địa chỉ số đường TNV, Phường B, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông C có địa chỉ thường trú tại quận Gò Vấp do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng:

Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Tòa án căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà N.

Ông C đã được Tòa án thông báo trên cổng thông tin điện tử của Toà án, đăng tin trên 3 số báo liên tiếp (số 115, 116, 117) của báo Thanh Niên (ngày 24, 25, 26 tháng 4 năm 2024) và trên truyền hình VTV9 ngày 27, 28, 29 tháng 4 năm 2024 để triệu tập ông C đến Toà án làm việc, tuy nhiên ông C vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân Phường A, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/04/2002 đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà N yêu cầu được ly hôn với ông C vì mâu thuẫn phát sinh từ năm 2013 nhiều lần xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly thân, ông bà đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn nhưng mâu thuẫn không được giải quyết và không thể tìm được tiếng nói chung.

Ông C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình, nhưng ông C vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn bà N. Điều này thể hiện ông C không quan tâm đến chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững, là sự nỗ lực phấn đấu, xây dựng của cả hai bên vợ chồng. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Nhưng giữa bà N và ông C đã không còn sống chung với nhau. Nay bà N kiên quyết xin ly hôn cho thấy hôn nhân giữa bà N và ông C đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N yêu cầu giải quyết ly hôn với ông C là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Bà N yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Ông C không đến Tòa

án, cũng không có ý kiến gì về con chung. Hiện nay bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N.N.N. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong việc chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của ông C.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng bà N chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.T.N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ.T.N được ly hôn với ông N.P.C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2002, do Ủy ban nhân dân Phường A, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/04/2002 không còn giá trị.

- Về con chung: Có hai con chung tên N.N.T, sinh ngày 14/4/2004 (đã thành niên) và N.N.N, sinh ngày 07/12/2009. Giao trẻ N cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của ông C.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C. Trên cơ sở lợi ích của con chung, khi cần thiết ông C, bà N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà N khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà N chịu, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0013195 ngày 16/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; (01)
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp; (01)
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; (01)
- UBND Phường A, quận Thủ Đức (01)
- Các đương sự; (02)
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ. (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Tiến